TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/DS–ST

Ngày: 08-6-2022

V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Sơn
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST–DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48a/2022/QĐXXST–DS ngày 20/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Quốc V1, sinh năm 1990; địa chỉ: 152/3 ấp T, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.
- Bị đơn: anh Cao Hoàng V2, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: 37/6 ấp AB, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh V2 vắng mặt; chị H có đơn xin vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Thu V3, sinh năm 1989; địa chỉ: 152/3 ấp T, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh V1 ủy quyền cho chị V3 tham gia tố tụng. Chị V3 có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-chị Nguyễn Thị Thu V3 trình bày:

Vào năm 2018 anh V2, chị H có mua thức ăn tại Đại lý An Muôn do anh Trần Quốc V1 làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Việc mua bán chỉ lập hợp

đồng miệng và H bên có cam kết anh V1 có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa cho anh V2, chị H trước và sau khi thu tôm anh V2, chị H có nghĩa vụ thanh toán tiền cho anh V1. Việc mua bán giữa H bên có theo dõi bằng sổ do anh V1 quản lý. Vụ nuôi tôm đầu anh V2 thu tôm có lãi nên có thanh toán đủ tiền cho anh V1. Sau đó do nuôi thua lỗ nên anh V2, chị H mất khả năng thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh V1 không chỉ giao thức ăn cho anh V2, chị H mà cũng gặp trực tiếp với ông Thanh, bà Hồng, anh Linh; cũng có lần anh Linh nhận thức ăn thay anh V2. Anh V2, chị H còn sống chung và cùng làm kinh tế với ông Thanh, bà Hồng anh Linh vì mục đích nuôi tôm là để chăm lo, phát triển kinh tế chung của cả gia đình. Do việc nuôi tôm thua lỗ nên hiện nay anh V2, chị H, ông Thanh, bà Hồng, anh Linh còn nợ tôi và anh V1 số tiền 83.439.000 đồng; các lần anh V1 đến gặp gia đình để trao đổi việc trả tiền thì ông Thanh, bà Hồng có yêu cầu chị V3 và anh V1 cho gia đình một thời gian để có tiền thanh toán cho anh V2 và chị H.

Nay anh V1 thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Anh V1 yêu cầu anh V2, chị Bé H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V1 số tiền nợ gốc 83.439.000 đồng và yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày 24/3/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể số tiền lãi: 83.439.000 đồng x 02 tháng 14 ngày x 0,83%/tháng = 1.708.274 đồng. Tổng cộng số tiền anh V1 yêu cầu anh V2 và chị Bé H có nghĩa vụ trả cho anh V1 là 85.147.274 đồng. Anh V1 không yêu cầu ông Thanh, bà Hồng, anh Linh có nghĩa vụ liên đới với anh V2 và chị Bé H để trả cho anh V1 số tiền gốc và lãi như trên. Số tiền nêu trên là tài sản chung của chị V3 và anh V1.

Theo nội dung Bản tự khai ngày 31/3/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Cao Hoàng V2 và Nguyễn Thị Bé H trình bày: Vào năm 2018 anh V2 và chị H có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý An Muôn do anh Trần Quốc V1 làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Việc mua bán chỉ lập hợp đồng miệng và H bên có cam kết anh V1 có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa cho anh V2 và chị H trước và sau khi thu tôm anh V2 và chị H có nghĩa vụ thanh toán tiền cho anh V1. Việc mua bán giữa H bên có theo dõi bằng sổ do anh V1 quản lý. Vụ tôm đầu tiên do nuôi tôm có lãi nên anh V2 và chị H thanh toán đủ tiền cho anh V1 sau vụ nuôi nhưng 03 vụ nuôi sau đó bị thua lỗ nên anh V2 và chị H không thanh toán tiền cho anh V1 và còn nợ lại anh V1, chị V3 số tiền 83.439.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của anh V1 thì anh V2 và chị H có ý kiến như sau: anh V2 và chị H đồng ý liên đới để trả cho anh V1 và chị V3 số tiền 83.439.000 đồng nhưng có yêu cầu trả dần cho đến hết số nợ nêu trên. Đối với số tiền lãi anh V2 và chị H không đồng ý trả theo yêu cầu của anh V1 do việc này H bên không có thỏa thuận khi chốt nợ. Đối với Giấy xác nhận nợ mà anh V1 cung cấp là chữ viết và chữ kỹ của Cao Hoàng V2. Anh V2 và chị H không yêu cầu ông Cao Hoài Thanh, bà Võ Thị Cẩm Hồng, anh Cao Hoài Linh

có nghĩa vụ liên đới với anh V2 và chị H để trả tiền cho anh V1, chị V3 do việc nuôi tôm là anh V2 và chị H nuôi để phát triển kinh tế riêng. Anh V2 và chị H trực tiếp giao dịch mua bán thức ăn với anh V1, chị V3 và anh V2, chị H thuê ao hồ để nuôi chứ không liên quan gì đến ông Thanh và bà Hồng, anh Linh. Ông Thanh, bà Hồng, anh Linh không sử dụng chung tiền với anh V2 và chị H. Khi anh V1 giao thức ăn nếu anh V2 và chị H không có nhà có khi anh Linh nhận thay thức ăn cho anh V2 và chị H chứ anh Linh hoàn toàn không tham gia nuôi tôm chung và cũng không sử dụng tiền thu tôm cùng anh V2 và chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Cao Hoàng V2 và Nguyễn Thị Bé H hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 37/6 ấp A B, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Thu V3 và Nguyễn Thị Bé H có đơn xin vắng mặt; anh Cao Hoàng V2 đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ H nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Anh V1 yêu cầu anh V2, chị Bé H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V1 số tiền nợ gốc 83.439.000 đồng và yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày 24/3/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể số tiền lãi: 83.439.000 đồng x 02 tháng 14 ngày x 0,83%/tháng = 1.708.274 đồng. Tổng cộng số tiền anh V1 yêu cầu anh V2 và chị Bé H có nghĩa vụ trả cho anh V1 là 85.147.274 đồng. Anh V1 không yêu cầu ông Thanh, bà Hồng, anh Linh có nghĩa vụ liên đới với anh V2 và chị Bé H để trả cho anh V1 số tiền gốc và lãi như trên. Số tiền nêu trên là tài sản chung của chị V3 và anh V1.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của anh V1, xét thấy: hợp đồng mua bán tài sản giữa anh V1 và anh V2, chị Bé H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chứng cứ là sự thừa nhận của anh V2 và chị Bé H về việc hiện nay anh V2, chị Bé H còn nợ anh V1, chị

V3 số tiền nợ gốc 83.439.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện anh V2 và chị Bé H đã vi phạm hợp đồng mà H bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc anh Trần Quốc V1 yêu cầu anh Cao Hoàng V2 có nghĩa vụ liên đới với chị Nguyễn Thị Bé H trả cho anh Trần Quốc V1 và chị Nguyễn Thị Thu V3 số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 85.147.274 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh V2, chị Bé H, xét thấy: anh V2 và chị Bé H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh V1, chị V3 trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V1, chị V3; mặc khác anh V2 và chị Bé H không chứng minh được gia đình đang gặp khó khăn và anh V1, chị V3 không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của anh V2 và chị Bé H. Do đó yêu cầu trả nợ dần của anh V2 và chị Bé H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Anh Cao Hoàng V2 và chị Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 5% x 85.147.274 đồng = 4.257.363 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V1. Buộc anh Cao Hoàng V2 và chị Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V1 và chị Nguyễn Thị Thu V3 số tiền là 85.147.274 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Cao Hoàng V2 và chị Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới chịu 4.257.363 đồng.

Anh Trần Quốc V1 được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.414.000 đồng theo biên lai thu số 0004475 ngày 22 tháng 3 năm 2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ